

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.
- Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Minh Đây.**
2. Ông Lê Anh Việt

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao L, Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022, về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 15/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Vương Minh H**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: X, tổ X1, đường số X2, ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: X3, ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa, chị L có mặt, anh H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2022, và quá trình giải quyết, anh Vương Minh H trình bày:

Năm 1995, anh H và chị L cùng làm việc, sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, nên quen biết tìm hiểu khoảng hơn 03 năm thì thống nhất chung sống vợ chồng từ cuối năm 1997, nhưng không đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, anh H và chị L chung sống hạnh phúc.

Đến năm 2002, khi về xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp sinh sống (là quê nhà cha mẹ ruột của chị L) thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp trong làm ăn kinh tế, lối sống sinh hoạt, trong đối xử quan hệ gia đình, xã hội, nuôi dạy chăm sóc con, nhưng hai bên không chịu nhường nhịn, sửa đổi để hòa hợp đoàn tụ, xây dựng cuộc sống chung. Đến năm 2003,

anh H bỏ về quê xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh sinh sống cho đến nay. Hai bên không tìm kiếm nhau về đoàn tụ chung sống, không quan tâm đến đời sống, tình cảm của nhau cho đến nay. Anh H đã có vợ khác (không đăng ký kết hôn), đã có con riêng. Chị L cũng đã có chồng khác (không đăng ký kết hôn).

Nay anh H nhận thấy không còn tình cảm, không còn thương yêu chị L, không thể đoàn tụ chung sống được nữa nên anh H yêu cầu được ly hôn chị L.

Về con chung: có một con chung là Vương Thị Kim X sinh ngày 19/9/1999. Hiện nay cháu X đã trưởng thành, có chồng, sinh sống độc lập. Anh H không yêu cầu gì về con chung.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết, Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày :

Năm 1995, anh H và chị L cùng làm việc, sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, nên quen biết tìm hiểu khoảng hơn 03 năm thì thống nhất chung vợ chồng từ cuối năm 1997, nhưng không đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, anh H và chị L chung sống hạnh phúc. Đến năm 2002, khi về xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp sinh sống (là quê nhà cha mẹ ruột của chị L) thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp trong làm ăn kinh tế, lối sống sinh hoạt, trong đối xử quan hệ gia đình, xã hội, nuôi dạy chăm sóc con, nhưng hai bên không chịu nhường nhịn sửa đổi để hòa hợp đoàn tụ, xây dựng cuộc sống chung.

Đến năm 2003, anh H bỏ về quê xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh sinh sống cho đến nay. Hai bên không còn tìm kiếm về đoàn tụ chung sống, không quan tâm đến đời sống, tình cảm của nhau cho đến nay.

Hiện nay, anh H đã có vợ khác (không đăng ký kết hôn), đã có con riêng; Chị L cũng đã có chồng khác (không đăng ký kết hôn).

Nay chị L cũng nhận thấy không còn tình cảm, không còn thương yêu anh H, không thể đoàn tụ chung sống được nữa nên chị L cũng đồng ý yêu cầu được ly hôn anh H.

Về con chung: có một con chung là Vương Thị Kim X sinh ngày 19/9/1999. Hiện nay cháu X đã trưởng thành, có chồng, sinh sống độc lập. chị L không yêu cầu gì về con chung.

Tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết, anh H và chị L đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Thống nhất với trình tự, thủ tục tố tụng về thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án **vắng mặt Nguyên đơn, có mặt bị đơn.**

Về quan điểm giải quyết: anh H và chị L chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, anh H và chị L xin ly hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị L. Về con chung: anh H và chị L xác định có 01 con chung là Vương Thị Kim X sinh ngày 19/9/1999, hiện nay đã trưởng thành, sinh sống độc lập; không yêu cầu gì về con chung; tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có, nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện về “Tranh chấp ly hôn” của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn anh H vắng mặt, Bị đơn chị L có mặt. Xét thấy Nguyên đơn anh H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vụ án và có mặt Bị đơn và vắng mặt Nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn anh Vương Minh H, và ý kiến của Bị đơn chị Nguyễn Thị L. Xét thấy anh H và chị L tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1997 có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng anh H và chị L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ giữa anh H và chị L không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, anh H và chị L bất đồng quan điểm, không hòa hợp tính tình, lối sống, sinh hoạt, cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ năm 2003 đến nay anh H và chị L không còn sống chung, anh H và chị L đều yêu cầu được ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị L theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Về con chung: anh H và chị L có một con chung là Vương Thị Kim X sinh ngày 19/9/1999, đã trưởng thành, sinh sống độc lập. Anh H và chị L không yêu cầu gì về con chung nên không xem xét, giải quyết.

[2.2] Về tài sản chung: anh H và chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: anh H và chị L trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Anh Vương Minh H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo luật định.

[4] Ý kiến quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 5, 28, 35, 91, 92, 147, 235 và khoản 1 Điều 228, của Bộ luật tố tụng dân

sự.

- Các Điều: 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Các Điều: 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vương Minh H và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: có một con chung là Vương Thị Kim X sinh ngày 19/9/1999, đã trưởng thành, có chồng, sinh sống độc lập. Anh H và chị L không yêu cầu gì về con chung nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: anh H và chị L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, về nợ chung: anh H và chị L trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Anh Vương Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0013383 ngày 03/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, được trừ vào án phí hôn nhân gia đình phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án+VTTA;_(NQ.Hung)

Nguyễn Quốc Hưng

